

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG
Bản án số: 193/2018/DS-PT
Ngày 22-11-2018
V/v tranh chấp hợp đồng
chuyển đổi quyền sử dụng đất

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Trâm Anh
Các Thẩm phán: Ông Lê Lâm Sơn
Ông Trần Bình Đảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Quan Thanh Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Bà Mai Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 147/2018/TLPT-DS ngày 31 tháng 10 năm 2018 về việc “tranh chấp hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2018/DS-ST ngày 14 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 198/2018/QĐPT-DS ngày 01 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

- Ông **Danh V**, sinh năm: 1966
- Bà **Thị L**, sinh năm: 1966

Địa chỉ: ấp V, xã V1, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có Luật Sư **Châu Kim P** – Thuộc Văn phòng luật sư số 7 - Đoàn luật sư thành phố C.

- Bị đơn:

- Bà **Thị S**, sinh năm: 1962

2. Chị **Thị V1**, sinh năm: 1992

3. Chị **Thị S1**, sinh năm: 1997.

Cùng địa chỉ: ấp V, xã V1, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

Bà Thị S ủy quyền cho anh **Danh P** theo giấy ủy quyền được Ủy ban nhân dân xã V1, huyện C, tỉnh Kiên Giang xác nhận ngày 09/11/2018.

Chị Thị V1 ủy quyền cho anh **Danh T** theo giấy ủy quyền được Ủy ban nhân dân xã V1, huyện C, tỉnh Kiên Giang xác nhận ngày 15/11/2018.

Chị Thị S1 ủy quyền cho anh **Danh T** theo giấy ủy quyền được Ủy ban nhân dân xã V1, huyện C, tỉnh Kiên Giang xác nhận ngày 20/11/2018.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Thị S có Luật Sư **Phạm Hoàng K**– Thuộc Văn phòng luật sư Phạm Hoàng K - Đoàn luật sư tỉnh K.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. UBND huyện C

Địa chỉ: Khu phố M, Thị trấn M1, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật của UBND huyện C: ông Nguyễn Văn H, chức vụ: Chủ tịch.

2. Anh **Danh P**, sinh năm: 1984

Địa chỉ: ấp V, xã V1, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

3. Anh **Danh Mạnh T1**, sinh năm 1988

4. Chị **Danh Thị L1**, sinh năm: 1992

5. Chị **Thị Mỹ D**, sinh năm: 1994

6. Anh **Danh Nhựt L3**, sinh năm: 1998

Cùng địa chỉ: ấp V, xã V1, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

Anh T, chị L1, chị D, anh L3 ủy quyền cho ông Danh V, bà Thị L theo giấy ủy quyền ngày 10/8/2016

8. Chị **Thị H**, sinh năm: 1988 (vợ anh Danh Mạnh T1 thường đã chết)

Địa chỉ: ấp M, xã M1, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Danh V và bà Thị L

Tại phiên tòa phúc thẩm ông V, bà L có mặt, chị S1, anh T (người đại diện theo ủy quyền của chị S1, chị V), anh P (là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà Thị S), anh T1, chị L1, chị D, anh L3 có mặt. Đại diện Ủy ban nhân dân huyện C, chị H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn ông Danh V, bà Thị L trình bày:* Vào năm 1989 vợ chồng ông bà được nhà nước cấp một diện tích đất ruộng khoảng 2.876m², tại ấp V, xã

V (nay là V1) , huyện C, tỉnh Kiên Giang. Phần đất của vợ chồng ông bà có chiều dài từ đầu kinh bà L4 chạy dài đến đầu kinh bà Đ1. Giáp phần đất của vợ chồng ông bà có đất của hộ ông Đ. Do diện tích đất của vợ chồng ông bà có chiều ngang hẹp nên rất khó cho việc sản xuất, canh tác. Do đó đến năm 1991 vợ chồng ông bà và ông Đ có thỏa thuận miệng đổi đất để thuận lợi cho việc sản xuất. Vợ chồng bà lấy một phần đất của ông Đ ở đầu kinh bà Đ1 diện tích 1.252,4m² (đo đạc thực tế), còn ông Đ lấy phần đất của vợ chồng ông bà ở đầu kinh bà L4 diện tích 1.254,9m² (theo đo đạc thực tế). Từ khi đổi đất hai bên sử dụng ổn định, liên tục không có ai tranh chấp. Năm 1998 thì hộ gia đình ông bà được cấp giấy chứng nhận QSD đất số: N217139, diện tích 2.876m² , thửa đất 1816, tờ bản đồ số 28, loại đất lúa do UBND huyện C cấp ngày 27/11/1998. Đến đầu năm 2016, vợ chồng ông bà muốn chuyển nhượng phần đất này cho người khác nên yêu cầu vợ và các con ông Đ trả lại diện tích đất đã đổi trước đây nhưng vợ và các con ông Đ không đồng ý.

Nay vợ chồng ông Danh V, bà Thị L yêu cầu hàng thừa kế của ông Đ là bà S và các con trả lại diện tích đất 1.254,9m² của vợ chồng ông bà đã đổi với ông Danh Đ năm 1991, vợ chồng ông bà đồng ý trả lại diện tích đất của ông Đ 1.252,4m² hiện nay do vợ chồng ông bà sử dụng. Ông V, bà Thị L yêu cầu hủy hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất giữa vợ chồng ông bà với ông Danh Đ và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện C cấp cho hộ ông Danh Đ.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn luật sư Châu Kim P trình bày: Tranh chấp giữa ông V, bà L với hàng thừa kế của ông Đ là tranh chấp hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất. Phần đất này nhà nước cấp cho hộ gia đình ông V nên thửa đất này là tài sản chung của các thành viên trong gia đình, việc ông V một mình tự ý đổi đất với ông Danh Đ mà không thông qua các thành viên khác là không đúng, việc đổi đất chỉ thỏa thuận bằng miệng, không có lập thành văn bản. Như vậy, giao dịch này là trái pháp luật. Đề nghị Tòa án tuyên hợp đồng chuyển đổi đất giữa ông V và ông Đ là vô hiệu và buộc hoàn trả cho nhau những gì đã nhận, đồng thời yêu cầu Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện C cấp cho hộ ông Danh Đ vì cấp sai quy định của pháp luật.

- Bị đơn bà Thị S trình bày: Vợ chồng bà được nhà nước cấp cho diện tích đất khoảng 3.103m² tại ấp V, xã V (nay là V1), cấp năm 1989. Năm 1991 ông V, bà S với chồng bà là ông Danh Đ có thỏa thuận đổi đất với nhau như ông V, bà L đã trình bày. Năm 1998 thì gia đình bà được cấp giấy chứng nhận QSD đất số N217155, diện tích 3.103m² thửa đất 1845, tờ bản đồ số 28, do UBND huyện

C cấp ngày 27/11/1998 theo như hiện trạng đất đã chuyển đổi. Phần đất này bà đã sử dụng ổn định từ năm 1991 đến nay nên không thống nhất yêu cầu khởi kiện của ông V, bà L.

- **Anh Danh T là đại diện theo ủy quyền của bị đơn chị Thị V1 trình bày:** Anh T thống nhất theo lời trình bày và yêu cầu của bà Thị S, anh không có ý kiến bổ sung thêm.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Danh P đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn chị Thị S1 trình bày:** Anh P thống nhất theo lời trình bày của bà Thị S, anh không có ý kiến gì trình bày thêm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn bà Thị S là luật sư Phạm Hoàng K trình bày: Việc ông Danh V đổi đất với ông Danh Đ là hoàn toàn tự nguyện, sau khi đổi đất ông Danh Đ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp trong đó có phần diện tích đã đổi với ông V, gia đình ông Đ sử dụng ổn định, liên tục từ năm 1991 đến năm 2016 đến nay trên 25 năm. Mặc dù diện tích đất do nhà nước cấp cho hộ khi đổi chỉ có một mình ông V đại diện cho gia đình nhưng việc đổi đất là để thuận lợi cho việc sử dụng, canh tác đem lại lợi ích chung cho gia đình, hơn nữa thời điểm đó các con của ông V, bà L còn nhỏ nên việc ông V đại diện cho các con là hợp pháp. Từ những căn cứ trên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự bác toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Danh Mạnh T1, chị Danh Thị L1, chị Thị Mỹ D và anh Danh Nhựt L3 trình bày:** anh chị thống nhất theo lời trình bày và yêu cầu của ông V, bà L, anh chị không có ý kiến bổ sung thêm.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2018/DS-ST ngày 14/8/2018 Tòa án nhân dân huyện C đã quyết định:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Danh V và bà Thị L. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông V, bà L về việc đòi lại diện tích đất 1.254,9m², do ông V đổi với ông Danh Đ năm 1991.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí thẩm định giá tài sản và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 28 tháng 8 năm 2018, ông Danh V và bà Thị L kháng cáo với nội dung: Sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Công nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuyên xử:

1/ Hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất thực hiện năm 1991 giữa ông Danh V với ông Danh Đ vô hiệu.

2/ Buộc bà Thị S và các con bà S phải trả lại diện tích đất đã chuyển đổi 1.254,9m², tọa lạc tại ấp V, xã V1, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

3/ Tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: N217155 do UBND huyện C cấp ngày 27/11/1998 đứng tên hộ Danh Đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông Danh V và bà Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn anh Danh P, Danh T vẫn giữ nguyên ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang phát biểu quan điểm:

Về việc chấp hành pháp luật: Từ khi thụ lý cho đến trước khi tuyên án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Việc chuyển đổi quyền sử dụng đất giữa ông V và ông Đ trên cơ sở tự nguyện, xuất phát từ nhu cầu canh tác của hai bên, các thành viên trong gia đình ông V và ông Đ biết nhưng không phản đối, các bên sau khi đổi đất đã canh tác sử dụng ổn định từ năm 1991 đến nay, hộ ông Đ đã được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N217155 ngày 27/11/1998, do đó đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của ông V, bà L, giữ y bản án dân sự sơ thẩm số 15/2018/DS-ST ngày 14/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Kiên Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Kiên Giang và chị Thị H vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử vắng mặt Ủy ban nhân dân huyện C và chị H.

[2] Về hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất: Ông Danh V, bà Thị L và hàng thừa kế của ông Danh Đ đều xác nhận năm 1989 hộ gia đình ông Danh V và hộ gia đình ông Danh Đ đều được Nhà nước cấp diện tích đất ruộng theo định suất, đất giáp ranh nhau và tọa lạc tại ấp V, xã V (nay là xã V1), huyện C, tỉnh Kiên Giang. Đất của ông V và ông Đ đều có cạnh giáp kênh D (còn gọi là kênh

Bà Đ1) và cạnh giáp kênh Ông C (còn gọi là kênh Bà L4). Năm 1991, để thuận lợi cho việc canh tác nên ông Danh V và ông Danh Đ đã thỏa thuận miệng đổi đất với nhau. Cụ thể: Ông Danh V đổi diện tích đất 1.254,9 m² có cạnh giáp kênh Ông C cho ông Danh Đ, ông Đ đổi diện tích đất 1.254,9 m² giáp kênh D cho ông V. Sau khi đổi đất, hai bên đã canh tác ổn định không tranh chấp, đến năm 2016 ông V, bà L mới khởi kiện yêu cầu hoán đổi lại đất như trước đây, yêu cầu Tòa án tuyên hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất giữa ông V và ông Đ là vô hiệu.

Xét thấy việc chuyển đổi quyền sử dụng đất giữa ông Danh V và ông Danh Đ tuy chỉ là thỏa thuận miệng, không được lập thành văn bản giấy tờ, nhưng đều được các bên thừa nhận việc chuyển đổi này là có thật, trên cơ sở tự nguyện, xuất phát từ mục đích thuận lợi cho việc canh tác, sản xuất của hai hộ gia đình ông V và ông Đ. Các thành viên trong hộ ông V và hộ ông Đ tuy không trực tiếp thỏa thuận việc chuyển đổi quyền sử dụng đất nhưng tất cả đều biết và không phản đối việc chuyển đổi này, ổn định canh tác trên phần đất đã chuyển đổi từ năm 1991 đến nay thì xem như đã thống nhất việc chuyển đổi quyền sử dụng đất trên. Sau khi chuyển đổi, hai bên đã đăng ký, kê khai và được ghi nhận lại trong sổ mục kê quản lý đất đai theo hiện trạng đất sau khi chuyển đổi. Năm 1998, hộ ông Danh Đ đã được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N217155 ngày 27/11/1998 theo như hiện trạng sử dụng đất thực tế sau khi đổi đất. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 16 Luật đất đai năm 1987, khoản 2 Điều 170 Bộ luật dân sự năm 2005 và áp dụng án lệ số 15/2017/AL ngày 14/12/2017 công nhận việc chuyển đổi quyền sử dụng đất giữa ông V và ông Đ là phù hợp. Tòa án cấp sơ thẩm đã bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Danh V và bà Thị L, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông V, bà L về việc đòi lại diện tích đất 1.254,9 m² đã đổi với ông Danh Đ là có căn cứ.

[3] Về yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Theo đơn kháng cáo, ông V bà L yêu cầu Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N217155 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 27/11/1998 cho hộ ông Danh Đ. Xét thấy hộ gia đình ông Danh Đ đã sử dụng và canh tác ổn định đối với diện tích đất 1.254,9 m² đã đổi với ông Danh V trước đây, phần đất này đã được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng theo quy định của Luật đất đai. Tại Công văn số 32/CV-TNMT ngày 12/6/2017 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C đã xác định việc cấp giấy cho hộ ông Danh Đ là đúng trình tự, thủ tục và đúng đối tượng, do đó ông V, bà L yêu cầu

hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N217155 của Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 27/11/1998 cho hộ ông Danh Đ là không có cơ sở xem xét.

Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng ông V, bà L có yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên tại phiên tòa sơ thẩm, không làm đơn khởi kiện và không đóng tạm ứng án phí nên không xem xét là chưa đúng với quy định tại khoản 1 Điều 34 của Bộ luật tố tụng dân sự, vì trong quá trình giải quyết vụ việc dân sự, Tòa án có quyền hủy quyết định cá biệt trái pháp luật của cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự trong vụ việc dân sự mà Tòa án có nhiệm vụ giải quyết mà không nhất thiết phải có đơn yêu cầu hủy quyết định cá biệt trái pháp luật. Mặt khác, việc yêu cầu hủy quyết định cá biệt trái pháp luật thuộc trường hợp không phải nộp tiền tạm ứng án phí (tham khảo Điều 6 Thông tư liên tịch 01/2014/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2014). Cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử thống nhất theo quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang và quan điểm của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn bà Thị S không chấp nhận kháng cáo của ông V, bà L, giữ y bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Kiên Giang.

[4] Về án phí: Do ông V, bà L kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 170, 693 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 16 Luật đất đai 1987; Án lệ số 15/2017/AL ngày 14/12/2017 được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 14/12/2017; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số: 10/2009/PL - UBTVQH 12 ngày 27 tháng 02 năm 2009; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Danh V và bà Thị L. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2018/DS-ST ngày 14/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Kiên Giang.

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Danh V và bà Thị L. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông V, bà L về việc đòi

lại diện tích đất đất 1.254,9m², do ông V đổi với ông Danh Đ năm 1991.

Khu đất có hình 2-3- 4 -9, vị trí các cạnh như sau:

- Cạnh 2-3 = 9,0m giáp bờ R 7m;
- Cạnh 3- 4 = 141,72m giáp đất Danh Chanh;
- Cạnh 4 - 9 = 8,88m giáp đất Danh Vinh;

- Cạnh 9 -2 = 142,45m giáp đất còn lại của ông Danh Đ, nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: N 217155, diện tích đo đạc thực tế 3.548,1m², thửa đất số 1845, tờ bản đồ số 28, do UBND huyện C cấp ngày 27/11/1998 cho Hộ ông (bà) Danh Đ đứng tên, đất tọa lạc tại ấp V, xã V (nay V1), huyện C, tỉnh Kiên Giang (theo biên bản thẩm định tại chỗ ngày 10/01/2017 của Tòa án nhân dân huyện C).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Danh V, bà Thị L phải chịu 200.000đ tiền án phí không có giá ngạch nhưng ông V, bà L được khấu trừ 200.000đ đã nộp theo biên lai thu tạm ứng, án phí tòa án số: 0009408, ngày 14/7/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Kiên Giang.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Danh V, bà Thị L phải chịu số tiền 3.633.000đ theo biên lai thu tiền phí, lệ phí số: 0023209, ngày 21/7/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai huyện C, ông V, bà L đã nộp xong.

4. Về chi phí Thẩm định giá tài sản: Ông V, bà L phải chịu số tiền 1.650.000đ, theo hóa đơn giá trị gia tăng số: 0000160, ngày 11/8/2017 của Công ty TNHH Định Giá Thịnh Vượng, ông V, bà L đã nộp xong.

- Án phí phúc thẩm: ông V, bà L mỗi người phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009317 ngày 11/10/2018 và biên lai thu tạm ứng án phí số 0006673 ngày 29/8/2018 của Chi cục Thi hành án huyện C, tỉnh Kiên Giang. (đã thực hiện xong).

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

ơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện C;

- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Trâm Anh